

Biểu số 03. Diện tích đất cần thu hồi trong kỳ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất
(Kèm theo Quyết định số 155 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Đắk Glei	Xã Đắk Choong	Xã Đắk Kroong	Xã Đắk Long	Xã Đắk Man	Xã Đắk Môn	Xã Đắk Nhoong	Xã Đắk Pek	Xã Đắk Plô	Xã Mường Hoong	Xã Ngọc Linh	Xã Xốp
1	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	775,00	205,62	38,97	87,68	25,31	26,37	33,59	43,67	79,35	37,07	52,62	36,24	108,51
1.1	Đất trồng lúa	LUA	47,64	3,72	1,41	3,53	2,00	1,21		6,96	9,12	1,53	3,64	10,66	3,86
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	17,97	2,20		2,53		0,53		0,04	8,30	0,13	2,29		1,95
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	29,67	1,52	1,41	1,00	2,00	0,68		6,92	0,82	1,40	1,35	10,66	1,91
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	251,52	60,73	15,96	32,80	8,01	16,28	18,95	11,21	21,36	7,61	9,38	11,63	37,60
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	201,18	43,18	12,60	28,01	8,46	7,98	14,64	11,36	18,23	9,26	4,58	10,47	32,41
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	33,44				3,64			13,08		16,72			
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	59,05		4,97			0,42					34,52	0,43	18,71
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	181,45	97,67	4,01	23,34	3,20	0,46		1,04	30,30	1,95	0,50	3,05	15,93
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	63,32		0,25	21,83		0,16		0,20	21,90			3,05	15,93
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,72	0,32	0,02			0,02		0,02	0,34				
1.8	Đất chăn nuôi tập trung	CNT													
1.9	Đất làm muối	LMU													
1.10	Đất nông nghiệp khác	NKH													
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	81,10	18,12	0,94	14,73	5,78	3,12	4,21	3,38	13,48	0,76	0,97	8,87	6,74
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	7,87		0,80	1,09	0,88	0,66	1,20	0,42	2,03	0,28	0,10	0,15	0,26
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	3,77	3,77											
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	4,22	3,20		0,14	0,10	0,06	0,32	0,10	0,11	0,01	0,04	0,03	0,11
2.4	Đất quốc phòng	CQP	0,01									0,01			
2.5	Đất an ninh	CAN													
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	1,86	1,00	0,11			0,07	0,06		0,10				0,52

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Đắk Glei	Xã Đắk Choong	Xã Đắk Kroong	Xã Đắk Long	Xã Đắk Man	Xã Đắk Môn	Xã Đắk Nhoong	Xã Đắk Pek	Xã Đắk Plô	Xã Mường Hoong	Xã Ngọc Linh	Xã Xốp
2.6.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,07					0,07							
2.6.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH													
2.6.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT													
2.6.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	0,50	0,40							0,10				
2.6.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	1,29	0,60	0,11				0,06						0,52
2.6.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH													
2.6.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT													
2.6.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT													
2.6.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG													
2.6.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK													
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	0,45								0,45				
2.7.1	Đất khu công nghiệp	SKK													
2.7.2	Đất cụm công nghiệp	SKN													
2.7.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT													
2.7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD													
2.7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,45								0,45				
2.7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS													
2.8	Đất sử dụng vào mục	CCC	9,65	2,58	0,03	4,47		0,16	0,03	0,14	2,18	0,05			0,01

[illegible]

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính											
				Thị trấn Đắk Glei	Xã Đắk Choong	Xã Đắk Kroong	Xã Đắk Long	Xã Đắk Man	Xã Đắk Môn	Xã Đắk Nhoong	Xã Đắk Pek	Xã Đắk Plô	Xã Mường Hoong	Xã Ngọc Linh	Xã Xốp
	dùng dạng ao, hồ, đầm, phá														
2.12.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	53,27	7,57		9,03	4,80	2,17	2,60	2,72	8,61	0,41	0,83	8,69	5,84
2.13	Đất phi nông nghiệp khác	PNK													